

Bản án số: 223/2023/DS-PT

Ngày: 30- 05- 2023

V/v “*Tranh chấp về thừa kế
tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương;

Ông Nguyễn Thế Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 04 năm 2023 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1244/2023/QĐ–ngày 28 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1987

2. Nguyễn Thị H, sinh ngày: 21/8/2005.

3. Nguyễn G, sinh ngày: 26/4/2013.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn M, huyện M1, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T và Nguyễn Gia B: Bà Nguyễn Thị Ngọc D. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D: Ông

Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn M, huyện M1, tỉnh B. (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện M1, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn Thanh (Phan Hoài Thanh), sinh năm 1960. (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 964, ấp H1, xã L, huyện G, tỉnh B.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1984, chết ngày: 29/11/2020. Ông Đ là con của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm: 2015). Ông Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống với nhau có hai người con là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày: 21/8/2005 và Nguyễn Gia B, sinh ngày: 26/4/2013. Ngoài ra, ông Đ không có cha mẹ nuôi, vợ và con nuôi nào khác.

Ông Đ chết để lại di sản là: Thửa số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² (50m² đất ONT và 83.7m² đất CLN) tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B. Phần đất có nguồn gốc từ ông Đ1 và bà S. Sau khi ông Đ1 chết thì những người thừa kế của ông Đ1 họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản và ông Đ được nhận thừa kế là thửa đất số 913. Hiện trên đất chỉ có 02 cây nhãn (được trồng từ rất lâu), ngoài ra trên đất không có cây trồng, vật kiến trúc nào khác. Từ khi ông Đ chết, phần đất để trống thỉnh thoảng bà D có đến trông coi, không ai chăm sóc hay tu bổ gì trên đất.

Sau khi ông Đ chết, bà D và các con của ông bà không thể sống cùng với bà S và không có nơi ở nên phải thuê nhà trọ sống. Ông Đ chết không để lại di chúc. Bà D và các con cùng bà S thỏa thuận phân chia di sản của ông Đ để lại nhưng không thỏa thuận được nên nay bà D cùng các con của bà khởi kiện yêu cầu giải quyết: Phân chia di sản thừa kế của ông Đ là phần đất thuộc thửa số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B thành 04 phần cho bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B, mỗi người nhận một phần di sản. Do phần di sản có diện tích nhỏ, không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định nên bà D cùng cháu T và cháu B yêu cầu được nhận phần đất và

hoàn lại cho bà S trị giá phần di sản mà bà S được nhận thừa kế theo giá của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh (Biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022).

Bà D thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản. Hiện trên đất chỉ có một vài cây trồng nhưng có giá trị không lớn nên bà D không yêu cầu chia thừa kế, người nào nhận phần đất thì được quyền quản lý, sử dụng tài sản trên đất.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Huyền T, Nguyễn Gia B cùng người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ngọc D thống nhất trình bày:

Yêu cầu được phân chia di sản thừa kế của ông Đ để lại là phần đất thuộc thửa số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B thành 04 phần cho bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B, mỗi người nhận một phần. Bà D cùng cháu T và cháu B yêu cầu được nhận phần đất và hoàn lại cho bà S trị giá phần di sản mà bà S được nhận thừa kế theo giá của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh.

Các nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc, định giá tài sản. Hiện trên đất chỉ có một vài cây trồng nhưng có giá trị không lớn nên các nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế, người nào nhận phần đất thì được quyền quản lý, sử dụng tài sản trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị S là ông Nguyễn Văn Đụt trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1984, chết ngày: 29/11/2020 là con của bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm: 2015). Ông Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống có 02 người con là Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày: 21/8/2005 và Nguyễn Gia B, sinh ngày: 26/4/2013. Ngoài ra, ông Đ không có cha mẹ nuôi, vợ và con nuôi nào khác.

Ông Đ chết có để lại di sản là thửa đất số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² (50m² đất ONT và 83.7m² đất CLN) tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B. Nguồn gốc của phần đất là của ông Đ1 và bà S. Sau khi ông Đ1 chết thì những người thừa kế của ông Đ1 họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản và ông Đ được nhận thừa kế là thửa đất số 913. Hiện trên đất chỉ có 02 cây nhãn (do ông Đ1 trồng), ngoài ra trên đất không có cây trồng, vật kiến trúc nào khác. Từ khi ông Đ chết, phần đất để trống không ai chăm sóc hay tu bổ gì trên đất.

Ông Đ chết không để lại di chúc. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B không thể thỏa thuận phân chia.

Nay bà S đồng ý phân chia di sản thừa kế mà ông Đ để lại là thửa đất số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B thành 04 phần cho bà S, bà D, cháu T và cháu B. Nếu các nguyên đơn có nguyện vọng được nhận phần đất thì bị đơn cũng đồng ý nhưng yêu cầu các nguyên đơn hoàn lại giá trị phần di sản mà bị đơn được nhận theo giá của chứng thư thẩm định giá số: 1209002/2022/CT-SGL ngày 21/9/2022 của Công ty TNHH MTV Thẩm định giá SGL mà phía bị đơn đã cung cấp cho Tòa án, không đồng ý nhận giá trị di sản theo giá mà các nguyên đơn đưa ra.

Bị đơn đồng ý với kết quả đo đạc. Hiện trên đất chỉ có một vài cây trồng nhưng có giá trị không lớn nên bị đơn không yêu cầu chia thừa kế, người nào nhận phần đất thì được quyền quản lý, sử dụng tài sản trên đất. Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu gì khác.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh B đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 202, 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B, cụ thể: Bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B được phân chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn Đ là thửa đất số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B, mỗi người nhận một kỹ phần tương đương với giá trị 163.537.500 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

1.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Huyền T và Nguyễn Gia B được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 133.7m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 913, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B (có bản vẽ kèm theo).

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị S số tiền 54.512.500 đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

2. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho đương sự khác được xác định trong bản án.

3. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07928 đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 15/01/2020 để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nêu trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/02/2023 bị đơn Lê Thị S có đơn kháng cáo một phần bản án, bà không đồng ý giá trị mà nguyên đơn phải hoàn lại cho bà theo giá của Hội đồng định giá; bà S đề nghị áp dụng giá theo Công ty TNHH MTV Thẩm định giá SGL mà phía bị đơn đã cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Đại diện của bị đơn: Bà Lê Thị S ủy quyền cho ông Phan Văn Thanh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Lê Thị S; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về di sản thừa kế:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được phân chia di sản thừa kế của ông Đ để lại là phần đất thuộc thửa số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B. Bị đơn cũng thống nhất di sản mà ông Đ để lại là phần đất nêu trên.

Phần đất nêu trên có nguồn gốc là của cha mẹ ông Đ là ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Lê Thị S. Năm 2015, ông Đ1 chết nên những người thừa kế của ông Đ1 thỏa thuận phân chia di sản do ông Đ1 để lại và ông Đ được nhận thừa kế là thửa đất số 913, tờ bản đồ số 2. Phần trình bày của các đương sự cũng phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi ông Đ chết không để lại di chúc, chưa định đoạt tài sản nêu trên cho ai nên có căn cứ xác định di sản cần chia trong vụ án thừa kế này là phần đất thuộc thửa số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B.

Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất ông Nguyễn Văn Đ có cha là ông Nguyễn Văn Đ1 (chết năm: 2015), mẹ là bà Lê Thị S, vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Đ và bà D có 02 người con là Nguyễn Thị Huyền T và Nguyễn Gia B. Từ đó, có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm: Bà S, bà D, cháu T và cháu B.

[2] Phân chia di sản thừa kế: Căn cứ vào kết quả giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì các bên đương sự đều thống nhất chia di sản thừa kế nêu trên thành 04 phần cho bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B, mỗi người nhận một phần.

Bà D cùng cháu T và cháu B yêu cầu được nhận phần đất và hoàn lại cho bà S trị giá phần di sản mà bà S được nhận thừa kế theo giá của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh. Bị đơn trình bày nếu các nguyên đơn có nguyện vọng được nhận đất thì bị đơn đồng ý nhưng yêu cầu nguyên đơn hoàn lại giá trị phần di sản mà bị đơn được nhận theo giá của chứng thư thẩm định giá số: 1209002/2022/CT-SGL ngày 21/9/2022 của Công ty TNHH MTV Thẩm định giá SGL mà phía bị đơn đã cung cấp cho Tòa án, không đồng ý nhận giá trị di sản theo giá mà các nguyên đơn đưa ra, tại cấp phúc thẩm bị đơn cũng có kháng cáo về nội dung này.

Thấy rằng, các đương sự không thống nhất về giá trị tài sản tranh chấp, tài sản tranh chấp đã được Hội đồng định giá tài sản cấp huyện tiến hành định giá và Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh tiến hành định giá lại, tuy nhiên bị đơn vẫn

không đồng ý với kết quả định giá này và cung cấp kết quả định giá tài sản do công ty thẩm định giá tư nhân thực hiện nhưng nguyên đơn không đồng ý với kết quả định giá do bị đơn cung cấp.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, giá của Công ty TNHH MTV Thẩm định giá SGL đã định là 1.021.526.978 đồng (một tỷ không trăm hai mươi một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

Giá của Hội đồng định giá cấp tỉnh đã định: Theo trích lục bản đồ địa chính thửa số 913, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M1, tỉnh B cung cấp ngày 13/02/2023 thể hiện di sản thừa kế của ông Đ để lại là: 133.7m² (trong đó gồm: 50m² đất ONT và 83.7m² đất CLN). Theo biên bản định giá ngày 11/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh tương đương với giá trị là: (50m² x 5.550.000 đồng/m²) + (83.7m² x 4.500.000 đồng/m²) = 654.150.000 đồng, chia đều cho 04 thừa kế mỗi kỹ phần tương đương với giá trị 163.537.500 đồng.

Xét về tính pháp lý căn cứ Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự khi xác định giá trị tài sản tranh chấp các bên đương sự có quyền lựa chọn tổ chức thẩm định giá nhưng phải thống nhất về việc định giá này. Tuy nhiên, trong vụ án này phía nguyên đơn không đồng ý việc lựa chọn định giá của bị đơn. Do đó, HĐXX căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá cấp tỉnh để xác định giá trị tài sản là phù hợp.

Từ các phân tích trên, thấy rằng yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm tuy nhiên bà Lê Thị S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh B.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều

271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 202, 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B, cụ thể: Bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B được phân chia thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn Đ là thửa đất số 913, tờ bản đồ số 2, diện tích 133.7m² tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B, mỗi người nhận một kỹ phần tương đương với giá trị 163.537.500 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

1.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Huyền T và Nguyễn Gia B được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 133.7m² và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 913, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện M1, tỉnh B (có bản vẽ kèm theo).

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T và cháu Nguyễn Gia B (Chị D chịu trách nhiệm hoàn trả thay cho cháu B) mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị S số tiền 54.512.500 đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

2. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính cho đương sự khác được xác định trong bản án.

3. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07928 đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ ngày 15/01/2020 để cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí thu thập chứng cứ: Đã giải quyết xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D, cháu Nguyễn Thị Huyền T, cháu Nguyễn Gia B và bà Lê Thị S được miễn toàn bộ án phí.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị S thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mô Cày Nam;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức